

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BT

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-01-2025.

V/v: *Tranh chấp ly hôn*
và con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP
TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huyền

+Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hưng Quang

2. Bà Trần Thị Hà

-Thư ký phiên tòa: ông Đắc Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-12-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 03-01-2025, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: **Phạm Thị Thanh H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: xóm 18, thôn Hà Thuỷ 1, xã Chí Công, TP, BT.

- Bị đơn: **Nguyễn Bách T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: số 19/3B Nguyễn Trường Tộ, khu phố Hải Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn, nguyên đơn Phạm Thị Thanh H trình bày: bà H và ông Nguyễn Bách T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa theo Giấy chứng nhận kết hôn số

258, ngày 13-10-2016. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do ông T cờ bạc, làm nợ, không lo làm ăn và không chăm lo được cho vợ con. Bà H nhận thấy hôn nhân của bà không có không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng kéo dài. Nay, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Vợ chồng bà H có 01 (một) con chung Nguyễn Chí Thiện (sinh ngày 04-01-2018), đang do bà H nuôi dưỡng nên bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà H trình bày không có.

2. Đối với bị đơn-Nguyễn Bách T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà H có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa bà với ông Nguyễn Bách T - có nơi thường trú tại số 19/3B Nguyễn Trường Tộ, khu phố Hải Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ, yêu cầu ông T đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng anh T không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Bách T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Bách T, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Phạm Thị Thanh H và Nguyễn Bách T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 258/2016, ngày 13-10-2016 nên hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Bà H yêu cầu ly hôn với ông T với lý do hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông T đến giải quyết nhưng ông T không chấp hành, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: bà H trình bày con chung Nguyễn Chí Thiện (sinh ngày 04-01-2018), đang do bà H nuôi dưỡng. Ông T không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử sẽ giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi. Do bà H không có yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông T.

[4] Tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh H đối với ông Nguyễn Bách T. Giấy chứng nhận kết hôn số 258/2016, ngày 13-10-2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, BT hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Chí Thiện (sinh ngày 04-01-2018) cho bà Phạm Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Bách T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Phạm Thị Thanh H không có yêu cầu.

3. Về án phí: bà Phạm Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007203, ngày 11-11-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

4. Quyền kháng cáo: bà Phạm Thị Thanh H và ông Nguyễn Bách T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

-VKSND BT;
-VKSND TP;
-THADS huyện TP;
-Nguyên đơn;bị đơn;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền